

MẪU SỐ 6B

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM

Số hiệu gói thầu và số E-TBMQT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống):

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. Thủ tục đấu thầu

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT

Chương IV. Biểu mẫu quan tâm

Phần 2. Điều khoản tham chiếu

Chương V. Tóm tắt điều khoản tham chiếu

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSQT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSQT, mở thầu, đánh giá E-HSQT. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn mời quan tâm qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSQT.

Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSQT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu quan tâm

Chương này bao gồm các biểu mẫu quan tâm mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSQT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để hoàn thiện E-HSQT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Tóm tắt Điều khoản tham chiếu

Tóm tắt Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC MỜI QUAN TÂM

1. Phạm vi gói thầu	1.1 Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMQT này để lựa chọn nhà thầu vào danh sách ngắn. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSQT và được quy định trong E-TBMQT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSQT hoặc rút E-HSQT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMQT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSQT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSQT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo

	sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMQT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá E-HSQT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát; g) Nêu điều kiện trong E-HSMQT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu. 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều
--	---

	79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung E-HSMQT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E-HSQT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSQT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSQT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSQT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSQT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL. d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy

	định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống; 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.
6. Nội dung của E-HSMQT	6.1. E-HSMQT bao gồm: E-TBMQT và Phần 1, Phần 2 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMQT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT; - Chương IV. Biểu mẫu quan tâm. Phần 2. Điều khoản tham chiếu - Chương V. Tóm tắt Điều khoản tham chiếu 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMQT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMQT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMQT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMQT, E-HSMQT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSQT theo yêu cầu của E-HSMQT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMQT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMQT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMQT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMQT phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSQT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

	7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMQT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMQT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMQT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT 7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMQT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMQT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSQT.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMQT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMQT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự quan tâm. E-HSQT được nộp miễn phí trên Hệ thống. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự quan tâm của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSQT	E-HSQT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSQT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSQT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSQT	E-HSQT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau: 1. Thư quan tâm do Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 02 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); 3. Các Biểu mẫu khác theo quy định tại Chương IV.
11. Thư quan tâm và các bảng biểu	Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu tại Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong thư quan tâm và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSQT.
12. Thời hạn có hiệu lực của E-HSQT	12.1. E-HSQT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL. 12.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSQT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSQT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSQT thì E-HSQT của nhà thầu sẽ không

	được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSQT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSQT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
13. Thời điểm đóng thầu	1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMQT. 13.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMQT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
14. Nộp, rút và sửa đổi E-HSQT	14.1. Nộp E-HSQT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSQT đối với một E-TBMQT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSQT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.. 14.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSQT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSQT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSQT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSQT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSQT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSQT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMQT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSQT mới cho phù hợp với E-HSMQT đã được sửa đổi. 14.3. Rút E-HSQT: nhà thầu được rút E-HSQT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSQT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSQT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSQT của nhà thầu. 14.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSQT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSQT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.
15. Mở E-HSQT	15.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSQT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSQT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng. 15.2. Biên bản mở E-HSQT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMQT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư;

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư là: <u> </u> <i>[Theo tên đăng ký trên Hệ thống]</i> .
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: <u> </u> <i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i> . Tên dự án/dự toán mua sắm là: <u> </u> <i>[Hệ thống tự động trích xuất]</i> .
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): <u> </u> <i>[Theo E-TBMQT]</i>
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <u> </u> <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu]</i>, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó; - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập E-HSMQT: <u> </u> <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn thẩm định E-HSMQT: <u> </u> <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn đánh giá E-HSQT: <u> </u> <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: <u> </u> <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn quản lý dự án, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: <u> </u> <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn khác: <u> </u> <i>[tùy theo tính chất tư vấn của gói thầu này để quy định về bảo đảm cạnh tranh cho phù hợp trên cơ sở Điều 6 Luật Đấu thầu. Ví dụ: gói thầu tư vấn này là tư vấn giám sát cho một gói thầu xây lắp thì cần quy định nhà thầu tham dự thầu phải độc lập với nhà thầu xây lắp]</i>. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ

¹ Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

	trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó. - Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Là số thành viên tham gia trong liên danh. Trường hợp nội dung về bảo đảm cạnh tranh tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu chưa được quy định tại Mục này thì Chủ đầu tư quy định tại BDL căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
E-CDNT 12.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSQT: $\geq$ ____ ngày [trích xuất từ E-TBMQT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu
E-CDNT 22.2	- Người có thẩm quyền: _____ [ghi đầy đủ tên người có thẩm quyền] + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ địa chỉ, số điện thoại, số fax của người có thẩm quyền]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của người có thẩm quyền để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu]. - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: _____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn]; + E-mail: _____ [ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].
E-CDNT 23	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: ____

	<i>[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].</i>
--	---

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSQT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSQT

E-HSQT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong điều khoản tham chiếu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

3. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu có E-HSQT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT

Việc đánh giá E-HSQT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của nội dung nhân sự chủ chốt; không quy định mức điểm tối thiểu đối với nội dung năng lực và kinh nghiệm. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT bao gồm các nội dung sau đây (webform trên Hệ thống):

Stt	Tiêu chuẩn ⁽¹⁾	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 30 đến 50% tổng số điểm)			Không quy định
	<i>a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong... năm gần đây ²</i>			

² Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

	<i>b) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng); thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.</i>			
	<i>c). Các yếu tố khác³</i>			
2	Nhân sự của nhà thầu ⁽²⁾ (Từ 50 đến 70% tổng số điểm)			50% tổng số điểm
	Tổng cộng (100%)			

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

Ghi chú:

(1) TCDG được xây dựng theo thang điểm 100, trong đó mức điểm yêu cầu tối thiểu phải quy định không thấp hơn 60% tổng số điểm và điểm đánh giá của nội dung về nhân sự phải quy định không thấp hơn 50% điểm tối đa của nội dung đó.

(2) Tùy từng gói thầu để đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp. Chẳng hạn, trường hợp khi lập E-HSMQT chưa có điều khoản tham chiếu, chưa đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt thì Mục này chỉ yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn thuộc quản lý của nhà thầu (ký hợp đồng dài hạn hoặc không xác định thời hạn với nhà thầu) như: có 02 chuyên gia có kinh nghiệm làm việc 5 năm, có chứng chỉ hành nghề giám sát....

Trường hợp tại thời điểm lập E-HSMQT đã đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt thì Mục này đưa ra yêu cầu cho các nhân sự chủ chốt này (tư vấn trưởng, chủ nhiệm...). Trong trường hợp này, nhà thầu phải có các tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự.

Chương IV

BIỂU MẪU

Nhà thầu chuẩn bị tài liệu theo các mẫu sau:

STT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Ghi chú
------------	-----------------	-----------------------	----------------

³ Chỉ áp dụng trong trường hợp tại thời điểm lập HSMQT đã đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2 Chương III, các nhân sự chủ chốt đó phải kê khai theo Mẫu này.

1	Mẫu số 01: Thư quan tâm	Webform	
2	Mẫu số 02: Thỏa thuận liên danh	Webform	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự mời quan tâm
3	Mẫu số 03: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	
4	Mẫu số 04: Danh sách chuyên gia chủ chốt của nhà thầu	Webform	
5	Mẫu số 05: Lý lịch chuyên gia tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống	Chỉ áp dụng trong trường hợp tại Mục 2 Chương III đưa ra được các yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)**THƯ QUAN TÂM ⁽¹⁾**

Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMQT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] bày tỏ sự quan tâm tới gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMQT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Hiệu lực của E-HSQT: ____ [*Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMQT*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu:

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi bày tỏ quan tâm gói thầu này.

6. Những thông tin kê khai trong E-HSQT là trung thực.

7. Nếu được lựa chọn vào danh sách ngắn, chúng tôi sẽ tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Ghi chú:

(1) Thư quan tâm được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSQT.

Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽¹⁾ ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMQT Gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMQT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSQT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSQT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSQT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____
....		
	Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói thầu

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như nêu trên

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu dịch vụ tư vấn tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng *[Ghi số năm]*⁴ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi dịch vụ tư vấn tương tự như dịch vụ tư vấn được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự quan tâm là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSQT.

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị dịch vụ tư vấn do nhà thầu thực hiện)	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu chính, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Mẫu số 04 (Webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾**

Stt	Họ và tên	Số định danh/CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Lĩnh vực chuyên môn	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp tại Mục 2 Chương III nêu yêu cầu cụ thể về nhân sự chủ chốt của nhà thầu theo điều khoản tham chiếu thì mẫu này cần được bổ sung cho phù hợp như sau:

Stt	Họ và tên	Số định danh/CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Quốc tịch	Chức danh bố trí trong gói thầu	Lĩnh vực chuyên môn	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu
I. Nhân sự chủ chốt của nhà thầu						
1						
2						
II. Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động						
1						
2						
III. Nhân sự khác						
1						
2						

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN⁵

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: {liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được}

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ... đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 04 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSQT.

Phần thứ hai
ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V
TÓM TẮT ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương này gồm thông tin yêu cầu về nội dung dịch vụ tư vấn, kế hoạch thực hiện... của gói thầu tư vấn.

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm
[Nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm như tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, nguồn vốn, quyết định đầu tư, các hoạt động chính của dự án,...]
2. Mô tả sơ bộ về nội dung dịch vụ tư vấn
[Phần này nêu thông tin về quy mô, tính chất, độ phức tạp của dịch vụ tư vấn.]
3. Kế hoạch thực hiện
[Nêu thời gian dự kiến thực hiện và hoàn thành công việc.]
4. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu
[Nêu yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí.]